

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VÀ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH số 104-CP ngày 27-6-1964
ban hành điều lệ đăng ký và quản
lý hộ khẩu.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Để tăng cường việc giữ gìn trật tự trị an xã hội, phục vụ lợi ích của nhân dân, để giúp vào việc thống kê dân số các vùng trong nước nhằm phục vụ việc xây dựng và thực hiện các chính sách, kế hoạch của Nhà nước,

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Công an,

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 3 tháng 6 năm 1964,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành điều lệ đăng ký và quản lý hộ khẩu kèm theo nghị định này.

Điều 2. — Ông Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 27 tháng 6 năm 1964.

T.M. Hội đồng Chính phủ
Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐIỀU LỆ

đăng ký và quản lý hộ khẩu

Điều 1. — Để tăng cường việc giữ gìn trật tự trị an xã hội phục vụ lợi ích của nhân dân, để giúp vào việc thống kê dân số các vùng trong nước nhằm phục vụ việc xây dựng và thực hiện các chính sách, kế hoạch của Nhà nước, nay ban hành điều lệ đăng ký và quản lý hộ khẩu này.

Điều 2. — Công dân nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, người nước ngoài (trừ trường hợp đã có quy định riêng) và người không có quốc tịch cư trú trên đất nước Việt-nam dân chủ cộng hòa đều phải chấp hành các quy định của điều lệ này.

Riêng đối với cán bộ và chiến sĩ của quân đội nhân dân và công an nhân dân ở trong các

cơ quan, doanh trại thì việc đăng ký và quản lý hộ khẩu theo những quy định về quản lý quân nhân tại ngũ.

Điều 3. — Công tác đăng ký và quản lý hộ khẩu do Bộ Công an phụ trách. Các đồn công an ở thành phố, thị xã, thị trấn, các Ủy ban hành chính xã, thị trấn (nơi không có đồn công an) trực tiếp thi hành việc đăng ký và quản lý hộ khẩu trong phạm vi khu vực mình phụ trách.

Các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, trường học..., có nhà ở tập thể cho công nhân, viên chức, học sinh, có trách nhiệm cử người tiến hành việc đăng ký và quản lý hộ khẩu đối với những người ở trong nhà tập thể đó dưới sự hướng dẫn và kiểm soát của cơ quan công an hoặc Ủy ban hành chính xã, thị trấn sở tại.

Đơn vị quân đội nhân dân, công an nhân dân khi có những người cư trú trong khu vực doanh trại của mình mà không thuộc biên chế của quân đội thường trực, của công an, cũng có trách nhiệm cử người tiến hành việc đăng ký và quản lý hộ khẩu đối với những người ở dưới sự hướng dẫn và kiểm soát của cơ quan công an hoặc Ủy ban hành chính xã, thị trấn sở tại.

Điều 4. — Việc đăng ký và quản lý hộ khẩu lấy hộ làm đơn vị. Một hộ gồm những người ăn ở chung với nhau trong một nhà riêng hoặc trong nhà tập thể của cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, trường học... Một người ăn ở riêng một mình cũng kê như một hộ.

Điều 5. — Ở thành phố, thị xã, thị trấn thì đồn công an lập sổ hộ khẩu cho từng hộ trong khu vực mình phụ trách. Ở xã, thị trấn (nơi không có đồn công an) thì Ủy ban hành chính xã, thị trấn lập sổ hộ khẩu cho từng hợp tác xã hoặc cho từng đội sản xuất trong các hợp tác xã quá lớn; ở nơi chưa có hợp tác xã thì lập sổ hộ khẩu cho từng xóm.

Những hộ còn làm ăn riêng lẻ được đăng ký chung một sổ hộ khẩu với hợp tác xã, đội sản xuất cùng thôn hoặc cùng xóm.

Các cơ quan, xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, trường học... lập sổ hộ khẩu ở mỗi khu nhà tập thể của mình dưới sự hướng dẫn và kiểm soát của cơ quan công an hoặc Ủy ban hành chính xã, thị trấn sở tại.

Điều 6. — Mỗi công dân phải đăng ký là nhân khẩu thường trú trong một hộ nhất định, hộ này là nơi ở thường xuyên của mình.

Điều 7. — Khi trong hộ có trẻ em mới sinh, người chủ hộ hoặc một người trong hộ phải

đăng ký hộ khẩu cho em đó tại Ủy ban hành chính sở tại.

Điều 8. — Khi trong hộ có người chết, nếu là ở thành phố, thị xã, thị trấn, thì trước lúc mai táng, nếu là ở nông thôn, thì trong thời hạn năm ngày, người chủ hộ hoặc một người trong hộ phải khai báo tại Ủy ban hành chính sở tại.

Trong trường hợp người chết là người đến tạm trú trong hộ hoặc người chết vì tai nạn hay vì một nguyên nhân không rõ, thì người chủ hộ phải báo ngay với cơ quan công an hoặc Ủy ban hành chính xã, thị trấn sở tại.

Điều 9. — Khi cả hộ hoặc một người trong hộ chuyển chỗ ở trong phạm vi một xã, một thị trấn, một thị xã, một khu phố, một thành phố không chia thành khu phố, thì trước khi di chuyển chủ hộ hoặc đương sự phải báo cho cơ quan quản lý hộ khẩu nơi đó biết.

Điều 10. — Khi cả hộ hoặc một người trong hộ, chuyển chỗ ở ra ngoài phạm vi nói ở điều 9 trên đây, thì chủ hộ hoặc đương sự phải lấy giấy «chứng nhận chuyển đi» của cơ quan quản lý hộ khẩu nơi ở cũ của mình theo thủ tục như sau :

— Nếu chuyển chỗ ở đến một xã, thị trấn cùng trong một tỉnh hay thành phố hoặc chuyển chỗ ở từ khu phố này đến khu phố khác cùng trong một thành phố thì giấy «chứng nhận chuyển đi» do Ủy ban hành chính xã, thị trấn, hoặc đồn công an cấp;

— Nếu chuyển đến một xã, thị trấn thuộc tỉnh khác thì giấy «chứng nhận chuyển đi» do công an huyện hoặc đồn công an cấp;

— Nếu chuyển đến một thành phố, thị xã (kể cả vùng ngoại thành, ngoại thị) hoặc đến một xã, thị trấn giáp biên giới, bờ biển, giới tuyến quân sự tạm thời, hoặc đến những khu vực kinh tế, quốc phòng quan trọng do Bộ Công an và Bộ quốc phòng đã hoặc sẽ quy định, thì giấy «chứng nhận chuyển đi» do Sở Công an, Ty Công an cấp.

Điều 11. — Trong trường hợp chuyển chỗ ở đến một thành phố, thị xã, thì khi đến đăng ký lấy giấy «chứng nhận chuyển đi», đương sự phải đem theo một trong những giấy tờ sau đây :

- Giấy tuyên chuyển công tác ;
- Giấy chứng nhận được tuyển dụng do cơ quan quản lý lao động ở thành phố, thị xã nơi chuyển đến cấp ;
- Giấy chứng nhận trúng tuyển vào học các trường đại học hay trường chuyên nghiệp của thành phố, thị xã đó ;

— Giấy «cho phép chuyển đến» do cơ quan công an của thành phố, thị xã đó cấp.

Điều 12. — Những người bị can án còn chờ xét xử, những người bị án mà chưa bị giam giữ, khi đến làm thủ tục để lấy giấy «chứng nhận chuyển đi» phải có giấy của Viện Kiểm sát nhân dân hay Tòa án nhân dân cho phép chuyển chỗ ở.

Điều 13. — Những người được tuyển vào quân đội thường trực trước khi nhập ngũ phải đem giấy gọi nhập ngũ đến báo cơ quan quản lý hộ khẩu để xóa tên trong sổ hộ khẩu.

Điều 14. — Khi chuyển chỗ ở đến nơi mới, nếu là thành phố, thị xã, thị trấn thì trong thời hạn ba ngày, nếu là ở nông thôn thì trong thời hạn năm ngày, người chủ hộ hoặc đương sự phải mang giấy «chứng nhận chuyển đi» đến đăng ký tại cơ quan quản lý hộ khẩu sở tại.

Điều 15. — Khi có người ở địa phương khác (không kể những người ở cùng trong một xã, một thị trấn, một thị xã, một thành phố) tới tạm trú lại ban đêm trong hộ thì người chủ hộ hoặc một người trong hộ phải báo cho cơ quan quản lý hộ khẩu sở tại biết trong thời hạn do Bộ Công an quy định riêng cho từng vùng.

Điều 16. — Thời hạn tạm trú ở thành phố, thị xã nhiều nhất là ba tháng. Hết hạn ấy, nếu cần ở lại thêm thì đương sự phải xin gia hạn tại cơ quan quản lý hộ khẩu sở tại.

Điều 17. — Khi có những sự thay đổi số người trong hộ như : kết hôn, ly dị, trong hộ có người đi mất tích, chia một hộ ra nhiều hộ, hợp nhiều hộ thành một hộ, v.v... thì chủ hộ hoặc một người trong hộ báo với cơ quan quản lý hộ khẩu sở tại để đăng ký những sự thay đổi ấy.

Điều 18. — Khi cần sửa đổi hoặc đính chính những điều ghi trong sổ hộ khẩu như : họ, tên, tuổi, nghề nghiệp... thì chủ hộ hoặc một người trong hộ báo với cơ quan quản lý hộ khẩu sở tại để cơ quan này thăm tra và sửa chữa trong sổ hộ khẩu. Không người nào, cơ quan nào được tự tiện ghi thêm, tẩy xóa hoặc sửa chữa vào sổ hộ khẩu.

Điều 19. — Mẫu sổ hộ khẩu và mẫu các giấy chứng nhận về quản lý hộ khẩu do Bộ Công an quy định.

Điều 20. — Người nào vi phạm các thủ tục về đăng ký và quản lý hộ khẩu sẽ bị xử phạt theo điều lệ quản lý trị an.

Người nào khai man về hộ khẩu, làm giả, sửa chữa, cho mượn, mua bán giấy tờ chứng nhận về quản lý hộ khẩu, sẽ tùy trường hợp

nặng, nhẹ mà bị xử phạt theo điều lệ quản lý trị an hoặc bị truy tố trước Tòa án.

Điều 21. — Điều lệ này thi hành kể từ ngày ban hành. Những điều quy định trước đây trái với điều lệ này đều bãi bỏ.

Hà-nội, ngày 27 tháng 6 năm 1964.

T.M. Hội đồng Chính phủ
Thủ tướng Chính phủ
PHẠM VĂN ĐỒNG

CHỈ THỊ số 2018-TN ngày 10-8-1964
về việc giao cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trách nhiệm chỉ đạo và quản lý giá điều động nội bộ đối với sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh địa phương và công tư hợp doanh.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Kính gửi :

Ông Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,

Các ông Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, Công nghiệp nhẹ, Nội thương, Tài chính,

Ông Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước,

Các ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Vật tư,

Các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, thành phố, tỉnh,

Đối với giá hàng điều động nội bộ giữa các xí nghiệp quốc doanh địa phương, công tư hợp doanh và cơ quan Nhà nước, vừa qua các Ủy ban hành chính khu, thành phố và tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo và quản lý.

Nhưng đến nay, do tình hình phát triển của công nghiệp địa phương và công tư hợp doanh giá trị sản lượng của các xí nghiệp quốc doanh địa phương và công tư hợp doanh ngày càng tăng và chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp, quan hệ kinh tế giữa các xí nghiệp này với nhau, giữa các xí nghiệp này với các cơ quan Nhà nước ở địa phương và ở trung ương ngày càng mở rộng, việc chỉ đạo và quản lý giá điều động nội bộ đối với sản phẩm của xí nghiệp quốc doanh địa

phương và công tư hợp doanh sản xuất cần phải được thống nhất và tập trung.

Vì vậy, tiếp theo thông tư số 5356-TN ngày 24 tháng 11 năm 1958, Thủ tướng Chính phủ giao cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước từ nay chịu trách nhiệm chỉ đạo và quản lý giá điều động nội bộ sản phẩm do các xí nghiệp quốc doanh địa phương và công tư hợp doanh sản xuất ra. Do yêu cầu đòi hỏi và căn cứ vào khả năng thực tế của mình, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trước mắt cần chỉ đạo và quản lý giá các sản phẩm tư liệu sản xuất một cách có trọng tâm và có trọng điểm rồi dần dần tiến lên chỉ đạo và quản lý cả giá các sản phẩm tư liệu tiêu dùng. Theo tinh thần trên đây, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước sẽ bàn bạc cụ thể với các Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh đề định rõ những mặt hàng nào do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chỉ đạo, những mặt hàng nào xét có thể ủy nhiệm cho các Ủy ban hành chính địa phương chỉ đạo.

Về nguyên tắc tính giá điều động nội bộ đối với các sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh địa phương và công tư hợp doanh sản xuất Thủ tướng Chính phủ tạm thời quy định như sau :

1. Đối với tư liệu sản xuất :

a) Đối với những sản phẩm do các xí nghiệp quốc doanh địa phương và công tư hợp doanh sản xuất bán cho các xí nghiệp quốc doanh, cơ quan Nhà nước sử dụng hoặc bán cho ngành thương nghiệp và vật tư để bán lại thì giá điều động nội bộ sẽ tính theo công thức :

Giá thành kế hoạch trung bình tiên tiến từ 3 đến 5% lãi xí nghiệp + 2% thuế (a).

b) Đối với những sản phẩm do ngành thương nghiệp thu mua của các xí nghiệp quốc doanh địa phương và công tư hợp doanh để giao cho các xí nghiệp quốc doanh, cơ quan Nhà nước thì giá điều động nội bộ sẽ tính theo công thức :

Giá chỉ đạo thu mua bình quân gia quyền + chi phí lưu thông kế hoạch (do Bộ, Tổng cục chủ quản duyệt hàng năm) + 2,5% thuế + 1% lãi định mức (b).

Đối với sản phẩm thu mua của các hợp tác xã sản xuất, ngành thương nghiệp cũng tính theo công thức giá (b) này khi phân phối cho các cơ quan, xí nghiệp quốc doanh trung ương cũng như địa phương. Nhưng, trong trường hợp vừa có sản phẩm thu mua của các xí nghiệp quốc doanh, vừa có sản phẩm thu mua của các hợp tác xã sản xuất thì giá bán phải thống nhất tính toán trên cơ sở : giá chỉ đạo thu mua bình quân gia quyền của các nguồn hàng (thu